TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CS** **TỈNH GL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2023/QĐST-HNGĐ	*CS, ngày 25 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CS, TỈNH GL

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87,107,110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Bùi Thị H, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Kê, thị trấn CS, huyện CS, tỉnh GL.
- Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1981; trú tại: Thôn Kê, thị trấn CS, huyện CS, tỉnh GL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc T và chị Bùi Thị H có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn ngày 10/9/2003 tại Uỷ ban nhân dân xã Hb, huyện CS, tỉnh GL. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tin tưởng nhau, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Tại buổi hoà giải, anh chị không đồng ý đoàn tụ gia đình, đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên thống nhất yêu cầu Toà án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Th, sinh ngày 19/12/2003 và cháu Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 07/10/2006. Cháu Th đã thành niên và tự lập được nên anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết việc ai nuôi cháu Th.

Anh chị thống nhất thỏa thuận, phù hợp với nguyện vọng của con, giao cháu Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 07/10/2006 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 25/5/2023 cho đến khi con thành niên. Trường hợp cháu T1 đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì chị H phải tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cháu cho đến khi cháu có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con:

+ Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng là 2.500.000 đồng kể từ ngày 01/6/2023 cho đến khi con thành niên. Trường hợp cháu T1 đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì anh T phải tiếp cấp dưỡng nuôi cháu T1 cho đến khi cháu có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

+ Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi tháng là 2.500.000 đồng kể từ ngày 01/6/2023 cho đến ngày 01/6/2025.

Chị H được nhận các khoản tiền trên để nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh T và chị H thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc T và chị Bùi Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Th, sinh ngày 19/12/2003 và cháu Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 07/10/2006. Cháu Th đã thành niên và tự lập được nên anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết việc ai nuôi cháu Th.

Anh chị thống nhất thỏa thuận, phù hợp với nguyện vọng của con, giao cháu Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 07/10/2006 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 25/5/2023 cho đến khi con thành niên. Trường hợp cháu T1 đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì chị H phải tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con:

+ Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng là 2.500.000 đồng kể từ ngày 01/6/2023 cho đến khi con thành niên. Trường hợp cháu T1 đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì anh T phải tiếp cấp dưỡng nuôi cháu T1 cho đến khi cháu có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

+ Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi tháng là 2.500.000 đồng kể từ ngày 01/6/2023 cho đến ngày 01/6/2025.

Chị H được nhận các khoản tiền trên để nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị H và ông Lê Ngọc T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí Tòa án để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002897 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CS, tỉnh GL.

2. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện CS;
- Chi cục THADS huyện CS;
- UBND xã HBông, huyện CS, tỉnh GL;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Đình H